

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

--❖--

Số: **55** /CBTT-THS
“V/v công bố thông tin”

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
2. Mã Chứng khoán : THS
3. Địa chỉ trụ sở : 25 Đại Lộ Lê Lợi - Phường Hạc Thành – Tỉnh Thanh Hóa
4. Điện Thoại : 02373 724 892 Fax: 02373 855 750
5. Người đại diện công bố thông tin: **Vũ Thị Lý**
6. **Nội dung của thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét.
 - Công văn giải trình chênh lệch kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin: <http://thanhhoasongda.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Vũ Thị Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	6 – 38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800772376 ngày 19 tháng 5 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là kinh doanh hàng hóa: Thiết bị điện tử, đồ điện tử, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình; cho thuê văn phòng và kinh doanh phòng tập.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch	
Bà Vũ Thị Lý	Ủy viên	
Ông Văn Đình Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/7/2025
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/7/2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh Phía Bắc (NVA) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

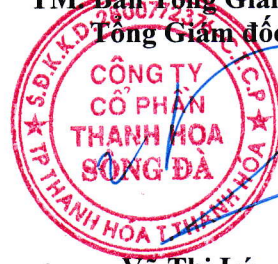
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Vũ Thị Lý

Số : 10.06.2.1/25/BCTC/NVA.CNPB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán và báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 07 tháng 3 năm 2025 và kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo phát hành tại ngày 13 tháng 08 năm 2024.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

– Chi nhánh Phía Bắc



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.555.284.671	90.951.758.330
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.634.642.412	5.064.537.259
1.	Tiền	111		5.634.642.412	5.064.537.259
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.860.001.316	14.860.001.316
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	14.860.001.316	14.860.001.316
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.537.478.266	27.918.351.049
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.261.504.253	17.481.860.439
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	489.403.657	8.009.410.823
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4.291.892.808	2.930.380.313
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(505.322.452)	(503.300.526)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	65.206.130.692	42.871.105.313
1.	Hàng tồn kho	141		66.672.330.952	43.939.492.190
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.466.200.260)	(1.068.386.877)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.317.031.985	237.763.393
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	422.549.480	68.145.986
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.887.251.064	169.617.407
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	7.231.441	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.409.608.726	28.401.922.340
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		9.826.478.694	8.931.524.323
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.826.478.694	8.931.524.323
	- Nguyên giá	222		31.209.768.436	29.138.612.464
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21.383.289.742)	(20.207.088.141)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	17.426.248.536	9.773.552.695
1.	Nguyên giá	231		28.968.556.645	20.870.696.426
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(11.542.308.109)	(11.097.143.731)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		4.500.000.000	7.270.089.734
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.500.000.000	7.270.089.734
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.100.000.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.02	35.100.000.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.556.881.496	2.426.755.588
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.556.881.496	2.426.755.588
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.964.893.397	119.353.680.670

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		144.366.178.708	80.043.857.698
I.	Nợ ngắn hạn	310		143.729.494.708	79.407.173.698
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	39.436.444.354	9.407.421.700
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		243.040.998	76.431.182
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.230.695.375	65.568.416
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	61.776.358	51.000.000
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	157.220.999	15.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	107.722.808	101.016.768
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	102.492.593.816	69.690.735.632
II.	Nợ dài hạn	330		636.684.000	636.684.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	636.684.000	636.684.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.598.714.689	39.309.822.972
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	37.598.714.689	39.309.822.972
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		9.311.842.972	10.383.133.674
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		448.891.717	1.088.709.298
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		448.891.717	1.088.709.298
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.964.893.397	119.353.680.670

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Tâm



Hoàng Thị An



Vũ Thị Lý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	198.282.932.037	155.844.454.971
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	635.873	469.236
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198.282.296.164	155.843.985.735
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	189.178.464.622	147.989.611.668
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.103.831.542	7.854.374.067
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	670.996.087	294.245.103
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.940.537.818	924.707.845
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.940.537.818</i>	<i>923.486.023</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	4.782.432.919	4.524.122.502
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2.805.804.795	2.046.269.686
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		246.052.097	653.519.137
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	824.161.190	640.075.178
12.	Chi phí khác	32	VI.07	506.314.638	455.436.378
13.	Lợi nhuận khác	40		317.846.552	184.638.800
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		563.898.649	838.157.937
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	115.006.932	167.781.072
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		448.891.717	670.376.865
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	166	248
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	166	248

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



[Signature]

[Signature]

Hoàng Thị Tâm

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		563.898.649	838.157.937
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.621.365.979	1.526.540.986
-	Các khoản dự phòng	03		399.835.309	242.839.967
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.598.951)	(7.583.688)
-	Chi phí lãi vay	06		1.940.537.818	923.486.023
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.522.038.804	3.523.441.225
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.653.985.759	(8.994.265.087)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.732.838.762)	(18.748.178.459)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		24.418.170.942	14.075.930.904
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(484.529.402)	426.453.565
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.878.761.460)	(923.486.023)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(43.307.549)	(255.622.145)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.454.758.332	(10.895.726.020)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(436.816.354)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	6.363.636
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(35.100.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.598.951	1.220.052
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.533.217.403)	7.583.688

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		165.046.570.181	99.081.553.805
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(132.244.711.997)	(84.757.970.419)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.153.293.960)	(2.050.008.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.648.564.224	12.273.574.586
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		570.105.153	1.385.432.254
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.064.537.259	4.361.900.601
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.634.642.412	5.747.332.855

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc





Hoàng Thị Tâm

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại (bán đồ điện tử, đồ gia dụng, thiết bị văn phòng,...), kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng) và cung cấp dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là kinh doanh hàng hóa: Thiết bị điện tử, đồ điện tử, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình; cho thuê văn phòng và kinh doanh phòng tập.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty liên kết gồm:

<i>Tên Công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Vinatom	Thửa 150, tờ bản đồ địa chính số 34, Khu A - KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng, Tỉnh Thanh Hoá

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, số nhân viên của Công ty là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 43 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân từng lần nhập xuất.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	30 – 36 năm
-----------	-------------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông đã được phê duyệt.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê. Doanh thu cho thuê được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Giảm giá hàng bán.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp và hoàn thành trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, chi phí khác...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài và các loại thuế, phí và lệ phí khác; dịch vụ mua ngoài (tuyển dụng, phí ngân hàng,...); chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, nước uống, chi phí khác,...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

17. Thông tin về bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	5.634.642.412	5.064.537.259
+ Tiền mặt	5.169.750.986	4.118.717.233
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	464.891.426	945.820.026
Cộng	<u>5.634.642.412</u>	<u>5.064.537.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	14.860.001.316	-	14.860.001.316	-
+ Các khoản đầu tư khác (*)	14.860.001.316	-	14.860.001.316	-
Cộng	14.860.001.316	-	14.860.001.316	-

(*) Khoản mua nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Phúc Thành tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hoá theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/HDMBN-VietinBank ngày 08/07/2024. Tổng giá trị của khoản nợ theo sổ sách tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 55.520.938.869 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 171 Thanh Thái, phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (nay là số 171 Thành Thái, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá). Giá trị tài sản thẩm định lại là 32.130.000.000 đồng theo thông báo kết quả thẩm định tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hoá ngày 07/01/2025. Theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 20/06/2024 của Hội đồng quản trị về phương án kinh doanh, khoản đầu tư này sẽ được bán lại theo phương thức đấu giá.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		%	Số cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
% quyền biểu quyết/ sở hữu					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	35.100.000.000	-	(*)	-	-
+ Công ty Cổ phần Vinatôm	35.100.000.000	-	(*)	-	-
Cộng	35.100.000.000	-	(*)	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:

Tên Công ty	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động chính trong năm	
Công ty Cổ phần Vinatom	30.000.000.000	11.700.000.000	Kinh doanh bất động sản công nghiệp	
03. Phải thu của khách hàng				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		19.261.504.253	17.481.860.439	
- Công ty TNHH Long Quân TH		1.557.453.000	-	
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Đông Á		947.525.000	-	
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Công nghệ Hoàng Quân		-	1.032.310.000	
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác		16.756.526.253	16.449.550.439	
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		-	-	
Cộng		19.261.504.253	17.481.860.439	
04. Trả trước cho người bán				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		489.403.657	8.009.410.823	
- Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến		18.258.437	324.906.317	
- Công ty TNHH Cơ - Nhiệt - Điện Thành Nam		-	6.509.868.400	
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam		80.699.404	371.893.664	
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác		390.445.816	802.742.442	
b. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-	
Cộng		489.403.657	8.009.410.823	
05. Phải thu khác				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	4.291.892.808	(7.267.800)	2.930.380.313	(7.267.800)
- Phải thu tiền thưởng doanh số	4.177.989.008	-	2.923.112.513	-
+ Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	4.055.566.970	-	2.218.404.862	-
+ Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	122.422.038	-	427.058.190	-
+ Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Qui Phúc	-	-	190.153.094	-
+ Công ty Cổ phần Liên doanh Kangaroo quốc tế	-	-	87.496.367	-
- Phải thu khác	113.903.800	(7.267.800)	7.267.800	(7.267.800)
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.291.892.808	(7.267.800)	2.930.380.313	(7.267.800)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty TNHH Toàn Thắng TDT	Trên 3 năm	331.690.000	-	Trên 3 năm	331.690.000	-
+ Công ty TNHH Du lịch và Vận tải Vân Anh	Trên 3 năm	38.172.651	-	1 – 2 năm	38.172.651	19.086.325
+ Thuế GTGT phải thu Xí nghiệp 2	Trên 3 năm	7.267.800	-	Trên 3 năm	7.267.800	-
+ UBND xã Yên Lạc	Trên 3 năm	62.715.000	-	Trên 3 năm	62.715.000	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Châu Long	Trên 3 năm	8.050.000	-	1 – 2 năm	38.550.000	11.565.000
+ Ông Lê Văn Anh	Trên 3 năm	4.402.000	-	2 – 3 năm	4.402.000	1.320.600
+ Ông Lê Xuân Đài	2 - 3 năm	52.750.000	15.824.999	1 – 2 năm	72.750.000	36.375.000
+ Cửa hàng điện tử Trung Kiên	Trên 3 năm	16.100.000	-	Trên 3 năm	16.100.000	-
Cộng		521.147.451	15.824.999		571.647.451	68.346.925

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	66.672.330.952	(1.466.200.260)	43.939.492.190	(1.068.386.877)
Cộng	66.672.330.952	(1.466.200.260)	43.939.492.190	(1.068.386.877)

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.109.740.595</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>8.615.077.636</i>	<i>29.138.612.464</i>
- Mua trong kỳ	899.505.764	1.171.650.208	-	2.071.155.972
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>17.009.246.359</i>	<i>5.585.444.441</i>	<i>8.615.077.636</i>	<i>31.209.768.436</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.171.474.797</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>6.621.819.111</i>	<i>20.207.088.141</i>
- Khấu hao trong kỳ	620.331.295	19.837.268	536.033.038	1.176.201.601
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>9.791.806.092</i>	<i>4.433.631.501</i>	<i>7.157.852.149</i>	<i>21.383.289.742</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>6.938.265.798</i>	<i>-</i>	<i>1.993.258.525</i>	<i>8.931.524.323</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>7.217.440.267</i>	<i>1.151.812.940</i>	<i>1.457.225.487</i>	<i>9.826.478.694</i>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 9.150.854.930 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.130.019.378 đồng và 9.030.925.872 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa.

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá	20.870.696.426	8.097.860.219	-	28.968.556.645
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	20.870.696.426	8.097.860.219	-	28.968.556.645
II. Giá trị hao mòn lũy kế	11.097.143.731	445.164.378	-	11.542.308.109
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	11.097.143.731	445.164.378	-	11.542.308.109
III. Giá trị còn lại	9.773.552.695	8.097.860.219	445.164.378	17.426.248.536
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	9.773.552.695	8.097.860.219	445.164.378	17.426.248.536

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 7.764.806.959 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm	-	2.084.489.734
- Xây dựng cơ bản	4.500.000.000	-
+ Công trình 301 Trần Phú	-	685.600.000
+ Quyền sử dụng đất tại Phường Điện Biên - Thanh Hóa	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	4.500.000.000	7.270.089.734

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	422.549.480	68.145.986
- Chi phí bảo hiểm	44.614.422	36.838.918
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	287.082.358	31.307.068
- Chi phí sửa chữa	81.252.700	-
- Các khoản khác	9.600.000	-
b. Dài hạn	2.556.881.496	2.426.755.588
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	728.232.552	75.591.271
- Mái chống nóng TTMT 25 Lê Lợi	447.482.115	671.223.177
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.201.558.501	1.623.125.516
- Các khoản khác	179.608.328	56.815.624
Cộng	2.979.430.976	2.494.901.574

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	69.690.735.632	69.690.735.632	165.046.570.181	132.244.711.997	102.492.593.816	102.492.593.816
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	69.690.735.632	69.690.735.632	165.046.570.181	132.244.711.997	102.492.593.816	102.492.593.816
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa (**)	35.477.763.698	35.477.763.698	127.274.889.451	94.125.566.063	68.627.087.086	68.627.087.086
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- <i>Cộng</i>	69.690.735.632	69.690.735.632	165.046.570.181	132.244.711.997	102.492.593.816	102.492.593.816

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số: 3500-LAV-202401232 ngày 30/10/2024, thời hạn cấp tín dụng tối đa 36 tháng đến 30/10/2027, thời hạn vay từng lần không quá 3 tháng, hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh thương mại kỳ 2024-2025. Lãi suất vay trong kỳ từ 4,0%-5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3500/HS/163/2023 ngày 19/10/2023.

(**) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 300057250/2024/HĐCVHM/NHCT424-THANHHOASONGDA ngày 13/6/2024, thời hạn cấp tín dụng đến 13/6/2025, hạn mức tín dụng là 55.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Thời hạn vay từng lần không quá 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là 5,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 3500-LAV-20230183 ngày 24/10/2023 và Hợp đồng thế chấp số 300057250/2023 - HĐCVHM/NHCT424 – THANHHOASONGDA và Hợp đồng Bảo đảm phát sinh thêm sau ngày ký kết hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	39.436.444.354	39.436.444.354	9.407.421.700	9.407.421.700
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nội thất The One	31.928.588.339	31.928.588.339	5.973.730.124	5.973.730.124
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	969.846.977	969.846.977	890.122.362	890.122.362
	6.538.009.038	6.538.009.038	2.543.569.214	2.543.569.214
Cộng	39.436.444.354	39.436.444.354	9.407.421.700	9.407.421.700

Trong đó:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	3.430.082.008	3.430.082.008	-	-
Cộng	3.430.082.008	3.430.082.008	-	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	18.590.727	-	25.822.168	7.231.441	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	44.707.548	115.006.932	43.307.549	-	116.406.931
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.270.141	143.309.050	3.031.043	-	142.548.148
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	971.740.296	-	-	971.740.296
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	-	65.568.416	1.235.056.278	77.160.760	7.231.441	1.230.695.375

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	61.776.358	51.000.000
- Chi phí lãi vay	61.776.358	-
- Các khoản trích trước khác	-	51.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	61.776.358	51.000.000

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	107.722.808	101.016.768
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.448.133	12.448.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	86.298.675	79.592.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.976.000	8.976.000
+ Các đối tượng khác	8.976.000	8.976.000
b. Dài hạn	636.684.000	636.684.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	636.684.000	636.684.000
Cộng	744.406.808	737.700.768

(*) Đây là khoản công ty nhận đặt cọc cho thuê nhà.

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	157.220.999	15.000.000
- Doanh thu cho thuê	15.000.000	15.000.000
- Doanh thu khách hàng trung tâm Soda	142.220.999	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	157.220.999	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	10.182.834.836	2.360.298.838	40.381.113.674
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	1.088.709.298	1.088.709.298
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	200.298.838	(2.360.298.838)	(2.160.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	10.383.133.674	1.088.709.298	39.309.822.972
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	448.891.717	448.891.717
Tăng/giảm khác (*)	-	-	(1.071.290.702)	1.071.290.702	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	30.000.000.000	(2.162.020.000)	9.311.842.972	448.891.717	37.598.714.689

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/THS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, Công ty thực hiện bổ sung Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức năm 2024 với số tiền là 1.071.290.702 đồng.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/THS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền
Chi trả cổ tức	2.160.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	2.160.000.000

Trong đó: - Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển: 1.071.290.702 đồng;
 - Từ lợi nhuận năm 2024: 1.088.709.298 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
+ Ông Lê Anh Tuấn	21.323.640.000	71,08	21.323.640.000	71,08
+ Ông Nguyễn Xuân Bắc	1.404.840.000	4,68	1.404.840.000	4,68
+ Bà Nguyễn Thị Hương	2.920.000.000	9,73	2.920.000.000	9,73
+ Các đối tượng khác	1.351.520.000	4,51	1.351.520.000	4,51
+ Cổ phiếu quỹ	3.000.000.000	10,00	3.000.000.000	10,00
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	2.160.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	9.311.842.972	10.383.133.674
Cộng	9.311.842.972	10.383.133.674

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.557.487.768	1.557.487.768

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Doanh thu bán hàng	194.888.558.732	151.491.514.975
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.307.855	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.336.065.450	4.352.939.996
Cộng	198.282.932.037	155.844.454.971

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	38.513.158	1.347.198.734
Cộng	38.513.158	1.347.198.734

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Chiết khấu thương mại	635.873	469.236
Cộng	635.873	469.236

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	186.821.860.540	146.308.266.562
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	128.177.633	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	1.830.613.066	1.483.039.670
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	397.813.383	198.305.436
Cộng	189.178.464.622	147.989.611.668

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.598.951	1.220.052
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	667.397.136	293.025.051
Cộng	670.996.087	294.245.103

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Lãi tiền vay	1.940.537.818	923.486.023
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.221.822
Cộng	1.940.537.818	924.707.845

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	6.363.636
- Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	495.180.635	454.688.955
- Hàng khuyến mại, hỗ trợ bán hàng nhận được	325.785.018	178.040.994
- Xử lý công nợ	3.195.537	981.593
Cộng	824.161.190	640.075.178

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Tiền điện, nước	495.178.628	454.688.955
- Các khoản bị phạt	10.417.368	683.113
- Chi phí khác	718.642	64.310
Cộng	506.314.638	455.436.378

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.805.804.795	2.046.269.686
- Chi phí nhân viên quản lý	1.575.219.256	1.045.535.000
- Chi phí vật liệu quản lý	21.182.279	39.204.419
- Chi phí đồ dùng văn phòng	48.321.390	2.777.197
- Chi phí khấu hao TSCĐ	636.554.520	495.715.182
- Thuế, phí và lệ phí	91.119.098	59.025.610
- Chi phí dự phòng	2.021.926	44.534.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.864.379	71.685.819
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	341.521.947	287.791.928
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	4.782.432.919	4.524.122.502
- Chi phí nhân viên	2.426.447.463	2.308.319.692
- Chi phí vật liệu, bao bì	510.158.453	499.562.474
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	265.646.497	276.645.698
- Chi phí khấu hao TSCĐ	645.657.388	726.500.764
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.218.766	125.820.699
- Chi phí khác bằng tiền	612.304.352	587.273.175
Cộng	7.588.237.714	6.570.392.188

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	115.006.932	167.781.072
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	115.006.932	167.781.072

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	4.047.611.719	3.496.059.415
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.621.365.979	1.272.612.426
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.083.145	463.562.383
- Chi phí khác bằng tiền	3.463.945.644	3.263.711.001
- Chi phí dự phòng	2.021.926	(10.656.000)
Cộng	9.547.028.413	8.485.289.225

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	76.298.066	-
Ứng trước mua tài sản cố định	-	6.885.812.037

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Các cá nhân liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Lý	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng
Ông Lê Trần Nghĩa	Em rể ông Lê Anh Tuấn

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Ông Lê Trần Nghĩa		
- Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinatom	35.100.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	94.850.077	18.000.000	112.850.077
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	138.125.000	12.000.000	150.125.000
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Ủy viên HĐQT	-	10.000.000	10.000.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	128.760.000	-	128.760.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	58.460.000	-	58.460.000
Bà Cao Thị Hiền	Trưởng BKS	103.300.000	18.000.000	121.300.000
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	90.406.240	12.000.000	102.406.240
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Cộng		613.901.317	82.000.000	695.901.317

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	132.000.000	12.000.000	144.000.000
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	122.880.000	-	122.880.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	57.480.000	-	57.480.000
Bà Cao Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	96.900.000	18.000.000	114.900.000
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 24/04/2024)	39.795.000	6.000.000	45.795.000
Ông Trịnh Đình Thắng	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 24/04/2024)	48.340.000	6.000.000	54.340.000
Cộng		497.395.000	84.000.000	581.395.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Vinatom
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa
Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT là cổ đông góp vốn tại Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Bán hàng hóa	31.063.554	1.338.507.068
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	14.783.335	1.338.507.068
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	16.280.219	-
Cung cấp dịch vụ	7.449.604	8.691.666
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	7.449.604	8.691.666
Mua TSCĐ	6.885.812.037	-
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	6.885.812.037	-
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	14.902.762.003	18.601.852
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	14.902.762.003	638.889
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	-	17.962.963

Tại ngày 30/06/2025, số dư công nợ của các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	6.509.868.400
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	-	6.509.868.400
Cộng nợ phải thu	-	6.509.868.400
Phải trả người bán ngắn hạn	3.430.082.008	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	3.430.082.008	-
Cộng nợ phải trả	3.430.082.008	-

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Cung cấp dịch vụ	Cộng	Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	194.887.922.859	3.336.065.450	58.307.855	198.282.296.164	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	196.029.482.708 (1.141.559.849)	1.877.759.696 1.458.305.754	129.001.663 (70.693.808)	198.036.244.067 246.052.097	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	8.097.860.219	2.866.192.996	10.964.053.215	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.586.536.948	445.164.378	35.918.001	2.067.619.327	
Số dư cuối kỳ					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	106.824.839.157	17.426.248.536	2.119.161.976	126.370.249.669	
- Tài sản không phân bổ				55.594.643.728	
Tổng tài sản	106.824.839.157	17.426.248.536	2.119.161.976	181.964.893.397	
- Nợ phải trả bộ phận	144.207.900.173	33.307.890	124.970.645	144.366.178.708	
- Nợ phải trả không phân bổ				-	
Tổng nợ phải trả	144.207.900.173	33.307.890	124.970.645	144.366.178.708	

	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Cung cấp dịch vụ	Cộng
2024				
hàng ra bên ngoài	151.491.045.739	4.352.939.996	-	155.843.985.735
hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
kinh doanh	153.632.662.056	1.557.804.542	-	155.190.466.598
nh để mua tài sản cố định và tài sản	(2.141.616.317)	2.795.135.454	-	653.519.137
lại sản cố định và phân bổ chi phí	1.507.638.877	528.066.102	-	-2.035.704.979
phần	89.655.589.400	9.773.552.695	-	99.429.142.095
	89.655.589.400	9.773.552.695	-	119.353.680.670
	80.014.448.172	29.409.526	-	80.043.857.698
	80.014.448.172	29.409.526	-	80.043.857.698

ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.634.642.412	-	5.064.537.259	-	5.634.642.412	5.064.537.259
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.553.397.061	(505.322.452)	20.412.240.752	(503.300.526)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.860.001.316	-	14.860.001.316	-	14.860.001.316	14.860.001.316
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	44.048.040.789	(505.322.452)	40.336.779.327	(503.300.526)	(*)	(*)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	39.436.444.354	9.407.421.700	(*)	(*)
Vay và nợ	102.492.593.816	69.690.735.632	(*)	(*)
Chi phí phải trả	61.776.358	51.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	95.274.675	88.568.635	(*)	(*)
Cộng	142.086.089.203	79.237.725.967	(*)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	39.436.444.354	-	-	39.436.444.354
Vay và nợ	102.492.593.816	-	-	102.492.593.816
Chi phí phải trả	61.776.358	-	-	61.776.358
Các khoản phải trả khác	95.274.675	-	-	95.274.675
Cộng	142.086.089.203	-	-	142.086.089.203
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	9.407.421.700	-	-	9.407.421.700
Vay và nợ	69.690.735.632	-	-	69.690.735.632
Chi phí phải trả	51.000.000	-	-	51.000.000
Các khoản phải trả khác	88.568.635	-	-	88.568.635
Cộng	79.237.725.967	-	-	79.237.725.967

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2025, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 31.174.210.037 đồng. Điều này dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết sẽ hỗ trợ tài chính đối với các khoản nợ phải trả đến hạn (nếu cần). Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



A blue ink signature of Hoàng Thị Tâm.

Hoàng Thị Tâm

A blue ink signature of Hoàng Thị An.

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý